

TẬP HỢP, CÁC PHÉP TOÁN TẬP HỢP, QUY TRÒN SỐ GẦN ĐÚNG

Câu 1: Cách viết nào sau đây là đúng:

- A. $a \in [a; b]$. B. $\{a\} \subset [a; b]$. C. $\{a\} \in [a; b]$. D. $a \in (a; b]$.

Câu 2: Chọn kết quả **sai** trong các kết quả sau:

- A. $A \cap B = A \Leftrightarrow A \subset B$. B. $A \cup B = A \Leftrightarrow B \subset A$.
C. $A \setminus B = A \Leftrightarrow A \cap B = \emptyset$. D. $A \setminus B = A \Leftrightarrow A \cap B \neq \emptyset$.

Câu 3: Cho tập hợp $A = (-\infty; 3]$; $B = (1; 5]$. Khi đó, tập $A \cup B$ là

- A. $(1; 3]$ B. $(3; 5]$ C. $(-\infty; 5]$ D. $(-\infty; 1)$

Câu 4: Cho tập hợp $A = [-4; 1)$; $B = (-2; 3]$. Khi đó, tập $A \setminus B$ là

- A. $[-4; 1)$ B. $[-2; 3]$ C. $[-4; 2]$ D. $(-2; 3)$

Câu 5: Tập hợp $D = (-\infty; 2] \cap (-6; +\infty)$ là tập nào sau đây?

- A. $(-6; 2]$ B. $(-4; 9]$ C. $(-\infty; +\infty)$ D. $[-6; 2]$

Câu 6: Cho $A = [-3; 2)$. Tập hợp $C_R A$ là :

- A. $(-\infty; -3)$. B. $(3; +\infty)$. C. $[2; +\infty)$. D. $(-\infty; -3) \cup [2; +\infty)$.

Câu 7: Sử dụng máy tính bỏ túi, hãy viết giá trị gần đúng của $\sqrt{3}$ chính xác đến hàng phần trăm

- A. 1,73. B. 1,732. C. 1,7. D. 1,7320

Câu 8: Sử dụng máy tính bỏ túi, hãy viết giá trị gần đúng của π^2 chính xác đến hàng phần nghìn.

- A. 9,870. B. 9,869. C. 9,871. D. 9,8696

Câu 9: Hãy viết số quy tròn của số a với độ chính xác d được cho sau đây: $\bar{a} = 17658 \pm 16$.

- A. 17700. B. 17660. C. 18000. D. 17674

Câu 10: Tìm số gần đúng của $a = 5,2463$ với độ chính xác $d = 0,001$.

- A. 5,25. B. 5,24. C. 5,246. D. 5,2